TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** TỈNH THÁI BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HNGĐ- ST
Ngày 18- 10-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung giữa chị L1 và anh P1.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Tiến và bà Tô Thị Liễu.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khuông- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Giang– Kiểm sát viên.

Trong ngày 18- 10 - 2019, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 138/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 06 năm 2019 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 08 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Giang Thị L1, sinh ngày 09- 04- 1989; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : Thôn Đ1, xã T 1, huyện T2, tỉnh Thái Bình ; Nơi cư trú : Xóm xxx, xã B1, huyện G1, thành phố Hà Nội. Vắng mặt- có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.*Bị đơn*: Anh Đỗ Văn P1, sinh ngày 10-02-1987; Nơi cư trú: Thôn Đ1, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt- lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các đơn khởi kiện ngày 06- 05- 2019, 07- 06- 2019 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị L1 trình bày: Chị và anh P 1 tự nguyện đăng ký kết hôn; đã được Uỷ ban nhân dân xã T 1 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 27- 03- 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình chồng ở thôn Đ1, xã T 1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014 nhưng vẫn sống cùng nhau; đến tháng 6-2018 thì mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do tính tình không hợp; do xxx. Vì vậy, từ tháng 6-2018 đến nay, chị đã chuyển đến Hà Nội thuê nhà làm ăn và sinh sống. Từ đó, vợ chồng không sống chung với nhau, vợ chồng không còn thương yêu nhau,

không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Do vợ chồng đã vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị có nguyện vọng ly hôn anh. Hiện nay, chị không mang thai. Vợ chồng có 03 con chung là Đỗ Thành L 2, sinh ngày 24- 12- 2008; Đỗ Giang Diệu P2, sinh ngày 10- 10- 2012; Đỗ Giang Thành C1, sinh ngày 12- 04- 2015. Chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Đỗ Giang Diệu P 2; Đỗ Giang Thành C1; chị đồng ý để anh trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Thành L 2. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có ai nợ chung vợ chồng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh P1 nhưng anh không đến Tòa án làm việc. Ông Đỗ Văn D1 là bố đẻ anh P1 trình bày: Do anh P1 đi làm ăn ở xa, thỉnh thoảng mới về nhà nên ông đã nhận thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án gửi anh P1; ông đã giao cho anh P1 nhưng anh không đến Tòa án làm việc được. Ông xác định về việc kết hôn, về con chung, về tình trạng hôn nhân của anh P1- chị L1 giống như chị L1 trình bày và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh P1- chị L1 không có tài sản chung, không có nợ chung.

Do anh P1 vắng mặt, chị L1 yêu cầu không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đúng quy định của pháp luật. Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị L1 ly hôn anh P1. Về con chung: Giao hai con chung P2 và C1 cho chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung L2 cho anh P1 trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Chị L1 không yêu cầu, không đặt ra giải quyết. Chị L1 phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn được triệu tập hợp lệ, đã được giao các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa làm việc, không có văn bản ghi ý kiến gửi về Tòa án. Do bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải theo quy định tại Khoản 1; Khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự được. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ quy định tại Khoản 1; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Điều 238

Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị L1 và anh P1 là tự nguyện và hợp pháp. Khi phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có biện pháp hòa giải nên chị L1 đã đưa con nhỏ đi nơi khác sinh sống. Từ đó, vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng chị L1- anh P1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị L1 ly hôn anh P1.

[3]. Về con chung: Vợ chồng chị L1- anh P1 có 03 con chung là Đỗ Thành L2, sinh ngày 24- 12- 2008; Đỗ Giang Diệu P2, sinh ngày 10- 10- 2012; Đỗ Giang Thành C1, sinh ngày 12- 04- 2015. Các con chung P2 và C1 còn nhỏ cần giao cho chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng. Con chung L2 tuy có nguyện vọng sống với mẹ nhưng như vậy, chị L1 trực tiếp nuôi cả 3 con sẽ có nhiều khó khăn trong việc chăm sóc các con chung nên cần giao con chung cho anh P1 trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau như đề nghị của chị L1.

[4]. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là chị L1 phải chịu 300.000,đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 228; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Giang Thị L1 ly hôn anh Đỗ Văn P1.

2. Về con chung: -Vợ chồng chị L1- anh P2 có 03 con chung là Đỗ Thành L2, sinh ngày 24- 12- 2008; Đỗ Giang Diệu P2, sinh ngày 10- 10- 2012; Đỗ Giang Thành C1, sinh ngày 12- 04- 2015.

-Xử: Giao hai con chung Đỗ Giang Diệu P2 và Đỗ Giang Thành C1 cho chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Đỗ Thành L2 cho anh P1 trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

-Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị L1 phải nộp toàn bộ 300.000,đồng án phí ly hôn; được

trừ vào số tiền 300.000,đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001833 ngày 07- 06 - 2019 của Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Chị L1 đã nộp đủ án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Uỷ ban nhân dân xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình;
-VKDND huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tồng